

Số: 508/BVTD-TB

Liên Bảo, ngày 13 tháng 05 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

**Gói thầu:** Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2)

**thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:** Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2)

**thuộc dự toán mua sắm:** Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2)

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-BVĐK ngày 08/04/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tiên Du về việc phê duyệt danh mục, số lượng mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2);*

*Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-BVĐK ngày 28/04/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tiên Du về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm : Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2);*

*Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-BVĐK ngày 28/04/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Tiên Du về việc phê duyệt Hồ sơ mời chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn Gói thầu Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2), thuộc KHLCNT : Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2, thuộc dự toán mua sắm : Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2);*

*Căn cứ thông báo mời thầu IB2600179207 đăng tải ngày 28/04/2026 trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ;*

*Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-BVĐK ngày 13/05/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tiên Du về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2), thuộc KHLCNT: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2), thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2);*

Bệnh viện Đa khoa Tiên Du xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Nhà thầu với Gói thầu Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2), thuộc KHLCNT: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2), thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2).

Bệnh viện Đa khoa Tiên Du xin thông báo Kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

**1. Thông tin về gói thầu**

- Số E-TBMT: IB2600179207
- Tên gói thầu: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2)
- Giá gói thầu : 1.961.384.800 VND Một tỷ chín trăm sáu mươi một triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm đồng
- Giá trúng thầu: 1.896.158.000 (Một tỷ, tám trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi tám nghìn đồng.)
- Tên Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Tiên Du
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:**

Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm

**3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu**

Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm

**4. Thông tin về thuốc trúng thầu:**

Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm.

**5. Thông tin các mã thuốc không lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:**

Chi tiết tại Phụ lục 4 đính kèm.

**6. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng**

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: Từ ngày 13/05/2026 đến ngày 23/05/2026 (Biên bản hoàn thiện Hợp đồng thực hiện qua hình thức ký điện tử trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia)

- Thời gian ký kết hợp đồng: Từ ngày 13/05/2026 đến ngày 23/05/2026 (Hình thức ký hợp đồng điện tử trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia)

Trân trọng./.

***Nơi nhận :***

- Công ty dự thầu;
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế,  
UBND tỉnh: đăng tải;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HST.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Việt An**



**PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN NHÀ THẦU TRÚNG THẦU**

**Gói thầu: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2)**

**Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2)**

*(Kèm Thông báo số 508/BVTD-TB ngày 13/05/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tiền Du)*

STT	Mã phần (lô)	Tên phần lô	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	PP260017 9040	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM	3700843113	73.152.000	73.152.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
2	PP260017 9041	Ciprofloxacin	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DẪN	0101386261	20.960.000	20.960.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
3	PP260017 9042	Clopidogrel	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4200562765	15.660.000	15.660.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
4	PP260017 9044	Diphenhydramin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2500228415	10.716.000	10.716.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
5	PP260017 9045	Fentanyl	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	73.983.000	73.983.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
6	PP260017 9046	Glucose	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ	0600206147	2.457.000	2.457.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
7	PP260017 9047	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TÂM	2400429686	72.640.000	72.640.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
8	PP260017 9048	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	60.000.000	60.000.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
9	PP260017 9047	Insulin người trộn, hỗn hợp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TÂM	2400429686	153.000.000	153.000.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
10	PP260017 9050	Kali clorid	CÔNG TY TNHH EVD DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	0101619117	35.700.000	35.700.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
11	PP260017 9051	Metformin hydroclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV	0314089150	316.800.000	316.800.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
12	PP260017 9052	Methyl ergometrin maleat	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	6.930.000	6.930.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
13	PP260017 9053	Methyl dopa	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA ĐÌNH	0100531195	84.000.000	84.000.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
14	PP260017 9054	Methyl dopa	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED	0109035096	189.000.000	189.000.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
15	PP260017 9055	Methylprednisolon (dưới dạng muối succinat)	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ TKL	0901219781	110.700.000	110.700.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

STT	Mã phần (lô)	Tên phần lô	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
16	PP260017 9056	Methylprednisolon (dưới dạng muối succinat)	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU APEC	0106055136	160.000.000	160.000.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
17	PP260017 9057	Metronidazol	Công ty Cổ Phần Thương Mại dược phẩm Việt Đức	0102936831	43.722.000	43.722.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
18	PP260017 9058	Midazolam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	22.248.000	22.248.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
19	PP260017 9059	Natri clorid	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	0300523385	12.780.000	12.780.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
20	PP260017 9060	Natri clorid	Công ty Cổ Phần Thương Mại dược phẩm Việt Đức	0102936831	102.060.000	102.060.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
21	PP260017 9062	Propofol	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	140.000.000	140.000.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
22	PP260017 9063	Rivaroxaban	CÔNG TY TNHH DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH	5000894839	60.000.000	60.000.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
23	PP260017 9064	Sắt fumarat + acid folic	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÔNG NHUỆ	0104739902	50.400.000	50.400.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
24	PP260017 9065	Spironolacton	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	1400460395	79.250.000	79.250.000	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
<b>Tổng: 24 mặt hàng</b>									



**PHỤ LỤC 2: THÔNG TIN NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU**

**Gói thầu: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2)**

**Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2)**

*(Kèm Thông báo số 508/BVTD-TB ngày 13/05/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tiên Du)*

STT	Mã phân lô	Tên phân lô	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Lý do không trúng thầu	Các nội dung khác (nếu có)
1	PP260017 9041	Ciprofloxacin	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	0600206147	21000000	Nhà thầu không xếp hạng 1	
2	PP260017 9042	Clopidogrel	Công ty cổ phần dược phẩm TV.pharm	2100274872	15720000	Nhà thầu không xếp hạng 1	
3	PP260017 9057	Metronidazol	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	0600206147	45480000	Nhà thầu không xếp hạng 1	
4	PP260017 9060	Natri clorid	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	0600206147	103950000	Nhà thầu không xếp hạng 1	
5	PP260017 9065	Spironolacton	Công ty cổ phần AFP Gia Vũ	0104628198	79450000	Nhà thầu không xếp hạng 1	
<b>Tổng số: 05 mặt hàng</b>							



**PHỤ LỤC 3**  
**DANH SÁCH CHI TIẾT MẶT HÀNG, GIÁ TRÚNG THẦU, NHÀ THẦU TRÚNG THẦU**  
**Gói thầu: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2)**  
**Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2026 (lần 2)**  
*(Kèm Thông báo số 508/BVTD-TB ngày 13/05/2026 của Bệnh viện Đa khoa Tiên Du)*

STT	Mã phần (Lô)	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu	Thành tiền	Tên nhà thầu dự thầu
1	PP2600179040	Clopalvix Plus	Clopidogrel (dưới dạng clopidogrel bisulfat); Aspirin	75mg; 75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110280223 (VD-25142-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	24.000	3.048	73.152.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
2	PP2600179041	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin	200mg/100ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 20 lọ x 100ml	4	24 tháng	VD-34943-21	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Lọ	2.000	10.480	20.960.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DÂN
3	PP2600179042	Tunadimet	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110288623	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	60.000	261	15.660.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
4	PP2600179044	Dimedrol	Diphenhydramin hydroclorid	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	4	36 tháng	893110688824 (CV gia hạn số 550/QĐ-QLD ngày 02/08/2024)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	12.000	893	10.716.000	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
5	PP2600179045	Fentanyl Kalceks	Fentanyl	0,1mg/2ml; 2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	1	60 tháng	858111016325	Sản xuất thuốc thành phẩm, kiểm soát chất lượng, đóng gói sơ cấp và thứ cấp: HBM Pharma s.r.o., Cơ sở xuất xưởng: Joint Stock Company "Kalceks"	Sản xuất thuốc thành phẩm, kiểm soát chất lượng, đóng gói sơ cấp và thứ cấp: Slovakia Cơ sở xuất xưởng: Latvia	Ống	2.600	28.455	73.983.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
6	PP2600179046	Glucose 20%	Dextrose	20%, 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	4	24 tháng	893110606724 (VD-29314-18)	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	180	13.650	2.457.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HẢ
7	PP2600179047	Wosulin-R	Insulin người	40 IU/ml; 10 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 10 ml	5	24 tháng	890410092323	Wockhardt Ltd.	Ấn Độ	Lọ	800	90.800	72.640.000	Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tâm
8	PP2600179048	Insulatard	Insulin Human (rDNA)	1000IU/10ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ 10ml	1	30 tháng	300410198825	Novo Nordisk Production SAS	Pháp	Lọ	800	75.000	60.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
9	PP2600179047	Wosulin 30/70	Insulin human (recombinant) (30% soluble insulin neutral và 70% isophane insulin)	100IU/ml; 3ml, tỷ lệ 30/70	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bút tiêm đóng sẵn ống tiêm 03ml	5	24 tháng	890410177200	Wockhardt Ltd.	Ấn Độ	Bút tiêm	1.500	102.000	153.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tâm
10	PP2600179050	Kalium Chloratum Biomedica	Kali clorid	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	VN-14110-11	Biomedica Spol. S.r.o	CH Séc	Viên	20.000	1.785	35.700.000	Công ty TNHH EVD Dược phẩm và Y tế

STT	Mã phân (Lô)	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu	Thành tiền	Tên nhà thầu dự thầu
11	PP2600179051	Cobimet XR 750	Metformin hydrochloride	750mg	Uống	Viên nén phòng thích kéo dài	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 1 lo x 30 viên; Lo 30 viên, 60 viên, 100 viên, 200 viên	3	30 tháng	893110332800	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	Viên	360.000	880	316.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV
12	PP2600179052	Methylergo Inj	Methylergometrin maleat	0,2mg/ml x 1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	4	36 tháng	893110200525 (VD-34624-20)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	600	11.550	6.930.000	Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
13	PP2600179053	Agidopa	Methyldopa	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Vi nhôm-PVC vi 10 viên; Hộp 2 vi, 4 vi, 6 vi, 10 vi, 12 vi, 14 vi, 20 vi (vi đôi); Hộp 3 vi, 5 vi, 7 vi, 15 vi (vi đơn)	4	36 tháng	893110876924	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	100.000	840	84.000.000	Công ty TNHH dược phẩm Ba Đình
14	PP2600179054	Agidopa 500	Methyldopa	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	4	36 tháng	893110265024	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	100.000	1.890	189.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm Stabled
15	PP2600179055	Lyo-Drol	Methylprednisolone Hydrogen Succinate 50,7mg tương đương Methylprednisolone 40mg	40mg	Tiêm	Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lo bột đông khô 40mg và 1 ống nước pha tiêm 1ml	1	36 tháng	520110427125	Vianex S.A.- Plant C (Cơ sở đóng gói bao bì cấp 2 và chịu trách nhiệm xuất xưởng là: Vianex S.A.- Plant A)	Greece	Lo	3.000	36.900	110.700.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÃ Y TẾ TKL
16	PP2600179056	Atisolu 40 inj	Methylprednisolon Dưới dạng Methylprednisolon natri succinat	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 1 lo + 1 ống dung môi 1ml; Hộp 3 lo + 3 ống dung môi 1ml; Hộp 5 lo + 5 ống dung môi 1ml	4	24 tháng	893110202225	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Lo	10.000	16.000	160.000.000	Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu APEC
17	PP2600179057	Metronidazole	Metronidazole	500mg/100ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 100ml; Thùng 40 túi x 100ml	4	36 tháng	VD-34057-20	Công ty TNHH dược phẩm Allomed	Việt Nam	Túi	6.000	7.287	43.722.000	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm Việt Đức
18	PP2600179058	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Midazolam	5mg/1ml; 1ml	Tiêm, Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 1ml, Ống thủy tinh	1	36 tháng	400112002224 (VN-21177-18)	B.Braun Melsungen AG	Đức	Ống	720	30.900	22.248.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

STT	Mã phân (Lô)	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu	Thành tiền	Tên nhà thầu dự thầu
19	PP2600179059	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	4,5g/500ml x 500ml	Dùng ngoài	Dung dịch vô khuẩn dùng trong phẫu thuật	Thùng 20 chai x 500ml dùng ngoài	4	24 tháng	893110118523	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	1.800	7.100	12.780.000	Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
20	PP2600179060	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%/500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml; Thùng 20 chai	4	36 tháng	VD-35956-22	Công ty cổ phần IVC	Việt Nam	Chai	15.000	6.804	102.060.000	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm Việt Đức
21	PP2600179062	Fresofol 1% Mct/Lct	Propofol	1% (10mg/ml); 20ml	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống 20ml	1	36 tháng	VN-17438-13	Fresenius Kabi Austria GmbH	Ao	Ống	4.000	35.000	140.000.000	Công ty TNHH một thành viên Dược liệu TW2
22	PP2600179063	Xavarox 15	Rivaroxaban	15mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110112400	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Viên	30.000	2.000	60.000.000	Công Ty TNHH Dược-Trang Thiết Bị Y Tế Bình Minh
23	PP2600179064	Humared	Sắt fumarat + acid folic	200mg + 1,5mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110394723	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	80.000	630	50.400.000	Công ty cổ phần dược phẩm Sông Nhuệ
24	PP2600179065	Domever 25 mg	Spironolacton	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110382023	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Viên	50.000	1.585	79.250.000	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
<b>Tổng: 24 mặt hàng</b>																<b>1.896.158.000</b>	

